

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 02: DANH MỤC CÁC LOẠI PHÂN BÓN THAY THẾ CÁC LOẠI PHÂN BÓN ĐÃ CÓ TRONG DANH MỤC
ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 42 /2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT)

A. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2006/QĐ-BNN ngày 7/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VIII- PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
1	1	Super Humate Sen Vàng (Humate Sen Vàng)		%	Axit humic: 2,5; N-P ₂ O _{5(hh)} -K ₂ O: 9-9-9; S: 0,4; Mg: 0,1	CT TNHH An Hưng Trường	CT CP An Mỹ Đức
				ppm	Mn: 300; Fe: 400; Cu: 400; Zn: 200; Mo: 600; B: 300		
					pH: 7; Tỷ trọng: 1,25		
2	2	Bio-Humate Super Sen Vàng (Full-Humate Super Sen Vàng)		%	Axit humic: 5; N-P ₂ O _{5(hh)} -K ₂ O: 17-9-20; S: 0,8; Mg: 0,3		
				ppm	Mn: 1000; Fe: 1000; Cu: 1000; Mo: 2000; Zn: 600; B: 700		
					pH: 6-7; Tỷ trọng: 1,25		

B. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2008/QĐ-BNN ngày 09/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

V. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
3	3	Bò Vàng	HB 332	%	HC: 15; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 3-3-2; Độ ẩm :25	CT CPPB Bò Vàng	CT TNHH TM-DV-SX Huy Bảo

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
35	4	Bò Vàng - Silic	Huy Bảo - Silic	%	Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-2; SiO ₂ : 8	CT CPPB Bò Vàng	CT TNHH TM-DV-SX Huy Bảo

C. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

I. PHÂN TRUNG VI LƯỢNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
1	5	Humate Sen Vàng		%	Axit Humic: 15; K ₂ O: 2; CaO: 15; MgO: 8; Độ ẩm: 15	CT TNHH An Hưng Tường	CT CP An Mỹ Đức

II. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
6	6	DANOCOMIX		%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ _{5h} -K ₂ O: 2,5-1-1; Độ ẩm: 20	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
				ppm	Ca: 500; Mg: 500; Zn: 500; Cu: 50; Mn: 100; B: 100		
					pH: 5-7		

III. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
7	7	DANOCOMIX 5-3-2	NOHIDA 532 (MODAgri 532)	%	HC: 18; N-P ₂ O ₅ _{hh} -K ₂ O: 5-3-2; Độ ẩm: 20	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
				ppm	Ca: 500; Mg: 500; Zn: 500; Cu: 50; Mn: 100; B: 100; Mo: 10		
8	8	DANOCOMIX 3-4-1	NOHIDA 341 (MODAgri 341)	%	HC: 18; N-P ₂ O ₅ _{hh} -K ₂ O: 3-4-1; Độ ẩm: 20		
				ppm	Ca: 500; Mg: 500; Zn: 500; Cu: 50; Mn: 100; B: 100; Mo: 10		

IV. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
3	9	DANOCOMIX	VISIHIDA	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ _{hh} -K ₂ O: 0,5-0,5-0,5; Ca: 1; Độ ẩm: 30	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
				ppm	Zn: 100; Fe: 100; Mn: 100; B: 50		
				Cfu/g	Trichoderma sp.; Bacillus spp: 1x10 ⁶ mỗi loại VSV (P): 1x10 ⁶		

V. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
6	10	Humate Sen Vàng 25		%	Axit Humic: 6; P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-10; S: 0,3; Mg: 0,1	CT TNHH An Hưng Trường	CTCP An Mỹ Đức
				ppm	Mn: 300; Fe: 500; Cu: 400; Zn: 200; Mo: 600; B: 300		
					pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,34		

25	11	DANO - Tiên Phong	NOHIDA Tiên Phong (MODAgri Tiên Phong)	%	Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-10-5	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
				ppm	B: 5000; Zn: 1000, Nitrophenol: 1000; GA ₃ : 1000 α-NAA: 1000; β-NOA: 100		
					pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,05-1,1		
26	12	DANOCOMIX 10-54-10		%	Axit Fulvic: 1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-54-10; Mg: 0,09 S: 0,05; Độ ẩm: 5	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
				ppm	B: 100; Zn: 500; Cu: 150; Mn: 150; Mo: 50 Vitamin B1: 500		
27	13	DANOCOMIX 8-30-30		%	Axit Fulvic: 1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-30-30; Mg: 0,09; S: 0,05 Độ ẩm: 5	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
				ppm	B: 100; Zn: 500; Cu: 150; Mn: 150; Mo: 50 Vitamin B1: 500		
28	14	DANOCOMIX 7-5-44		%	Axit Fulvic: 1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-44; Mg: 0,09; S: 0,05 Độ ẩm: 5	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
				ppm	B: 100; Zn: 500; Cu: 150; Mn: 150; Mo: 50 Vitamin B1: 500		
29	15	DANOCOMIX 31-11-11		%	Axit Fulvic: 1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 31-11-11; Mg: 0,09 S: 0,05; Độ ẩm: 5	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
				ppm	B: 100; Zn: 500; Cu: 150; Mn: 150; Mo: 50 Vitamin B1: 500		
30	16	DANOCOMIX 20-30-20		%	Axit Fulvic: 1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 20-30-20; Mg: 0,09 S: 0,05; Độ ẩm: 5	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
				ppm	B: 100; Zn: 500; Cu: 150; Mn: 150; Mo: 50 Vitamin B1: 500		
31	17	DANOCOMIX 18-19-30		%	Axit Fulvic: 1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 18-19-30; Mg: 0,09 S: 0,05; Độ ẩm: 5	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
				ppm	B: 100; Zn: 500; Cu: 150; Mn: 150; Mo: 50 Vitamin B1: 500		
32	18	DANO-Canxi.B	NOHADI-CanxiBo (MODAgri Canxi-Bo)	%	CaO: 7; B: 2	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
					pH: 8-9; Tỷ trọng: 1,35-1,4		

33	19	DANO Bo Cao	NOHADI-Bo cao (MODAgri Bo)	%	N: 6; CaO: 2; B: 10,9;	CT TNHH Đại Nông	CT TNHH Nông nghiệp Hiện Đại
					pH: 8-9; Tỷ trọng: 1,35-1,4		
34	20	DANO LÂN	NOHADI Lân cao (MODAgri P)	g/l	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 100-500-100		
				%	MgO: 1; Zn: 0,1		
35	21	DANO CANXI	NOHADI Canxi cao (MODAgri Canxi-Bo)	%	N: 10; CaO: 22,5; Mg: 0,09; B: 1		
				ppm	Zn: 500; Cu: 50; Mn: 150; Mo: 100		
					pH: 8-9; Tỷ trọng: 1,45-1,5		
36	22	DANO HUM	NOHADI Hum (MODAgri Hum)	%	Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5; Ca: 0,09; Mg: 0,09		
				ppm	Zn: 500; Cu: 50; Mn: 150; Mo: 50; Fe: 150		
					pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,05-1,1		

D. Danh mục phân bón đã cơ trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2010/TT-BNNPTNT ngày 29/6/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân dẫn ký dôm:

I. PHÂN HỮU CƠ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
6	23	SC999		%	HC: 25; Axit Humic:1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3,2-0,5-0,5 Độ ẩm: 20	CT CP SXTM& DV Tân Trường Sinh	CT TNHH Phân bón Bảo Lâm
					pH: 5,5-6		

II. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
1	24	Humate Sen Vàng 25		%	HC: 50; Axit humic: 25, N-K ₂ O: 2,5-4; Độ ẩm: 15	CT TNHH An Hưng Tường	CT CP An Mỹ Đức
					pH: 5-7		

III. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
1	25	Powhumus		%	HC: 70; Axit Humic: 60, K ₂ O: 12; Độ ẩm: 15	CT TNHH An Hưng Tường	CT CP An Mỹ Đức
					pH: 5-7		

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
5	26	Humate Sen Vàng 12		%	Axit Humic: 12; K ₂ O: 2; Mg: 0,5; S: 2; SiO ₂ : 1; Nitrophenol: 0,2	CT TNHH An Hưng Tường	CT CP An Mỹ Đức
				ppm	B: 1200; Cu: 1600; Mn: 1200; Mo: 600; Zn: 800; Fe: 2000		
					pH: 7,1; Tỷ trọng: 1,4		
6	27	Humate Sen Vàng 666		%	Axit Humic: 6; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-6-6; Mg: 1; S: 1,5; Chitosan Oligo Saccharite: 0,2		
				ppm	B: 500; Cu: 400; Mn: 500; Mo: 500; Zn: 500; Fe: 200		
					pH: 7,1; Tỷ trọng: 1,25		

D. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 02/ DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 49 /2010/TT-BNNPTNT ngày 24/8/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

I. PHÂN HỮU CƠ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
3	28	Nam Điền	Nitex	%	HC: 22; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-0,5; Độ ẩm: 20	CT TNHH Nam Điền	CT CP Nicotex

IV. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
2	29	ATP 3	ĐTN 2,5-1-1	%	HC: 23; Axit Humic: 4,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-1; Độ ẩm: 20	CT TNHH An Thành Phát	CT TNHH MTV SX TM DV Đại Thiên Nông
				ppm	Zn: 80; Fe: 150; Cu: 40; Mn: 70		
					pH: 6,5		
30	30	Humix Hoa Kiểng		%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-2-3; CaO: 1; MgO: 0,5; S: 0,5; Độ ẩm: 25	CT TNHH Hữu Cơ	
				ppm	Fe: 100; Cu: 100; Zn: 150; Mn: 150; B: 300		
31	31	Humix Chè		%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-1-2; CaO: 1; MgO: 0,5; S: 0,5; Độ ẩm: 25		
				ppm	Fe: 200; Cu: 50; Zn: 50; Mn: 450; B: 50		
60	32	Mầm Xanh MX.F1HC		%	HC: 22,1; Axit Humic: 2,7; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,7-1,2-0,9; CaO: 0,29; S: 0,16; MgO: 0,34; SiO ₂ : 6,24; Độ ẩm: 20	CT CP Vạn Trường An	CT CP Phân bón Mầm Xanh
				ppm	Zn: 82; Fe: 58; Cu: 61; Mn: 64; B: 87		
3	33	ATP - Silica	GSX 51	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-1 SiO ₂ : 2; Độ ẩm: 20	CT TNHH An Thành Phát	CT TNHH Giang Sơn Xanh
				ppm	Zn: 80; Fe: 150; Cu: 40; Mn: 70		
					pH: 6,5		
4	34	ATP 4	GSX 54	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-2-0,5 Độ ẩm: 20		
				ppm	Zn: 80; Fe: 150; Cu: 40; Mn: 70		
					pH: 6,5		

V- PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
37	35	TYHUMIX-N101	Hoa Tín (Hotimix 8-2-6)	%	HC: 18; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-2-6; CaO: 5; Mg: 1 Độ ẩm: 20	CT CP Nông nghiệp Nhất	CT TNHH Hoa Tín
				ppm	Cu: 150; Zn: 150; Fe: 150; B: 250		
3	36	ATP 5	Trùn quế -Nam Long	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Độ ẩm: 20	CT TNHH An Thành Phát	CS nuôi&chế biến SP từ trùn quế
				ppm	Zn: 80; Fe: 150; Cu: 40; Mn: 70		
4	37	ATP 3-4-1	GSX 50	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-4-1; CaO: 3; Độ ẩm: 20	CT TNHH An Thành Phát	CT TNHH Giang Sơn Xanh
				ppm	Zn: 80; Fe: 150; Cu: 40; Mn: 70		
5	38	ATP 7	GSX 53	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-2,5-3; CaO: 2,5; Độ ẩm: 20	CT TNHH An Thành Phát	CT TNHH Giang Sơn Xanh
				ppm	Zn: 80; Fe: 150; Cu: 40; Mn: 70		
66	39	Mầm Xanh MX. F4HC		%	HC: 17,4; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3,1-3,4-1,8; CaO: 0,32; S: 0,13; MgO: 0,33; SiO ₂ : 6,31; Độ ẩm: 20	CT CP Vạn Trường An	CT CP Phân bón Mầm Xanh
				ppm	Zn: 72; Fe: 60; Cu: 67; Mn: 58; B: 106		

III. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
4	40	ATP 2	TM 01	%	HC: 17; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-0,5-0,5; Độ ẩm: 30	CT TNHH An Thành Phát	CT TNHH MTV TM và SX phân bón Thuận Mùa
				ppm	Zn: 80; Fe: 150; Cu: 40; Mn: 70		
				Cfu/g	Trichoderma spp.; Bacillus sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		
47	41	Mầm Xanh MX.F3HC		%	HC: 17,3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,1-4,8-0,8; CaO: 0,28; S: 0,17; MgO: 0,3; SiO ₂ : 6,19; Độ ẩm: 30	CT CP Vạn Trường An	CT CP Phân bón Mầm Xanh
				ppm	Zn: 77; Fe: 62; Cu: 58; Mn: 52; B: 93		
				Cfu/g	Azospirillum lipoferum; Pseudomonas striata; Trichoderma spp.: 1x10 ⁶ mỗi loại		

48	42	Mầm Xanh MX. F5HC	%	HC: 17,8; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 0,62-2,2-0,5; CaO: 0,28; S: 0,14; MgO: 0,32; SiO ₂ : 5,97; Độ ẩm: 30	CT CP Vạn Trường An	CT CP Phân bón Mầm Xanh
			ppm	Zn: 79; Fe: 58; Cu: 52; Mn: 60; B: 117		
			Cfu/g	Azotobacter; Trichoderma spp.: 1x10 ⁶ mỗi loại		

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
##	43	Thịnh Phát 03	Nitex số 1	%	Axit Humic: 5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-2-2	CT CP SXTM&DV Thịnh Phát	CT CP Nicotex
				ppm	Zn: 150; Cu: 100; Mn: 300; Fe: 200		
					pH: 5,5; Tỷ trọng: 1,15-1,18		

E. Danh mục phân bón đã cơ trong Phụ lục 3, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2010/TT-BNNPTNT ngày 24/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
86	44	Tân Đức Lân Cao	CNC 39 Lân cao	%	P ₂ O ₅ : 15	CT CP CN Tân Đức	CT TNHH Công nghệ Đa Phúc
				g/l	K ₂ O: 65; Mg: 80; Mn: 5; Zn: 5; Cu: 5; B: 5		
					pH: 6,9-7,1; Tỷ trọng: 1,05-1,15		
89	45	Tân Đức Msg- 2	CNC 38	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-7-4; SiO ₂ : 1; Mg: 0,3; Axit		
					pH: 7,2-7,4; Tỷ trọng: 1,08-1,12		

G. Danh mục phân bón đã cơ trong Phụ lục 3, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 65/2010/TT-BNNPTNT ngày 5/11/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
##	46	KTC 104	HP 03	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-8-5; Mg: 0,1; Độ ẩm: 10	CT CP Nông Trang	CT TNHH ĐT PT Hoà Phú
				ppm	Cu: 500; Zn: 150; Mo: 50		

##	47	X.A 15% HUM (X.A. Super Hume)	%	Axit Humic: 15	CT TNHH MTV TM DV SX Xuyên Á
				pH: 7-8; Tỷ trọng: 1,1-1,2	

H. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 3, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 65/2010/TT-BNNPTNT ngày 5/11/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN VI SINH VẬT

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
1	48	Phân giải lân, cố định đạm ATP-AZOP chuyên dùng cho cây ngắn ngày		Cfu/g	Pseudomonas; Azospirillum lipoferum: 1×10^9 mỗi pH: 4,5-6,5; Tỷ trọng: 1,1-1,2	CT TNHH An Thành Phát	CT TNHH SX TM và DV Vua Vi Sinh

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
##	49	TN-L2	Nhà Nông (7-7-2)	%	Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-7-2; Ca: 0,02; Mg: 0,03	CT TNHH Thảo Nông	CT CP Thanh Hoà Tiền Giang
				ppm	Zn: 200; Cu: 200; B: 300; Mn: 200		
					pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,15		
##	50	LAKMIN K-HUMATE 2 chuyên lúa	LAKMIN-HUMATE 2	%	Axit Humic: 58; Axit Fulvic: 14; K ₂ O: 7; Mg: 0,01 Độ ẩm: 10	CT TNHH Lâm Khải Minh	CT TNHH Kiên Nam
				ppm	Mn: 100; Zn: 100; Fe: 100; Cu: 100		

##	51	VIDAN-Keratin (Probiosisi)	Nimbi-X	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 0,8-0,1-0,1; MgO: 0,1;	CT TNHH VIDAN	CT TNHH NIM BI
				ppm	Mn: 500, Zn: 500, Cu: 500, Fe: 200, Alanine: 609 Glycine: 1268; Valine: 51; Leucine: 144 Threonine: 525; Proline: 263; Axit Aspartic: 483 Axit Glutamic: 666; Phenylalanine: 154; Lysine: 59 Tyrosine: 407		
					pH: 8-11; Tỷ trọng: 1,1-1,2		
##	52	VIDAN-Dịch cá thủy phân (Proagroganic a)	Nimbi-Y	%	Axit Fulvic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 0,6-4-2,8; B: 2	CT TNHH VIDAN	CT TNHH NIM BI
				ppm	Mn: 500; Zn: 500; Cu: 500; Fe: 200; Alanine: 1337 Glycine: 2369; Valine: 248; Leucine: 460; Isolecine: 179 Threonine: 189; Serine: 74; Proline: 525; Axit Aspartic: 978; Methionine: 240; Axit Glutamic: 1509		
					pH: 8-11; Tỷ trọng: 1,1-1,2		
##	53	VIDAN-Trùn Quế (Profarmer)	Nimbi-Z	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:0,4-0,1-0,7; Mg: 0,1;CaO: 0,2; B:1; SiO ₂ :2	CT TNHH VIDAN	CT TNHH NIM BI
				ppm	Mn:500; Zn:500; Cu: 500; Fe:200; Alanine: 2003 Glycine: 1392; Valine: 1425; Leucine: 2205 Isolecine: 1313; Threonine: 184; Serine: 199; Proline: 477 Axit Aspartic: 1236; Methionine: 511; Axit Glutamic: 3978; Phenylalanine: 1214; Lysine: 1467; Tyrosine: 625 Cystine: 242; Tryptophane: 404		
					pH: 8-11; Tỷ trọng: 1,1-1,2		

V. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký		
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới	
9	54	ĐNA-HỠN HỢP 4	ATA - HỠN HỢP 4	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-2-1; Độ ẩm: 30	CT TNHH Hoá chất Đại Nam	CT TNHH Dinh dưỡng NN Quốc tế ATA	
				ppm	Cu: 200; Fe: 200; Mn: 200; Zn: 200			
				Cfu/g	Trichoderma; Bacillus: 1x 10 ⁶ mỗi loại			
8	55	ĐNA HỠN HỢP	Lạc Hồng 1 (LH 1)	%	HC: 15; Độ ẩm: 30			CT CP Hoá sinh Nông nghiệp Lạc Hồng
				ppm	Cu: 200; Fe:200; Mn: 200; Zn: 200			
				Cfu/g	Trichiderma; Sinorhizobium sp: 1x 10 ⁶ mỗi loại			
46	56	CHÂU THỎ SỐ 1	Trung Thắng	%	HC: 15, Acid Humic: 2, N: 0,5, Ca: 1, Mg: 1, Si: 0,5 Độ ẩm: 30	CT TNHH Tam Nông	DN tư nhân Trung Thắng	
				mg/kg	Zn: 300; Cu: 200; Fe: 300			
				Cfu/g	Bacillus spp; Aspergiluss, spp: 1x 10 ⁶ mỗi loại			

I. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 4, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 65/2010/TT-BNNPTNT ngày 5/11/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
20	57	Nutrimix		%	N: 8; S: 10; Cu: 3; Mn: 4; Zn: 3; Mo: 0,04; Độ ẩm: 2	CT Behn Meyer Agcare LLP	

K. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

V. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
34	58	TN 01	BIO Năm Sao	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 1,8-1,5-1,5; Độ ẩm: 30	CT CP Trang Nông	CT CP DV NN Bình Thuận
				Cfu/g	Trichoderma; Steptomyces; Bacillus sp; Candida: 1x10 ⁶ mỗi loại		
13	59	HP	SSX	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 1,8-1,5-1,5; Độ ẩm: 30	CT TNHH Đầu tư PT Hoà Phú	CT TNHH Sức Sống Xanh
				Cfu/g	Azotobacter; Bacillus sp; Actinomyces sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		

VI. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
16	60	HP 04	VX 1	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-2-0,8 Độ ẩm: 25	CT TNHH Đầu tư PT Hoà Phú	CT TNHH Công nghệ Xanh
22	61	HTC 03	Sepon	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 2,5-2-1,2 Độ ẩm: 20	CTCPKT & DV TMPT HTC COM	NM Tinh bột sắn Hương Hoá

VII. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
34	62	HTC 04	Sepon		HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-4-2; Độ ẩm: 25	CT CP KT & DV TM PT	NM tinh bột sắn Hương Hoá

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
15	63	Protifert Copper		%	N: 3,3; Ca: 0,1; Na: 0,3; Cl ⁻ : 0,7; S042-: 7,8; Cu: 5; Các bon hữu cơ: 10; Alanine: 1,7; Arginine: 1,2; Axit Aspartic: 1,1; Cysteine: 0,1; Axit Glutamic: 2; Glycine: 4,7; Hydroxyproline: 1,6; Histidine: 0,2; Isoleucine: 0,3; Leucine: 0,7; Lysine: 0,8; Methionine: 0,1; Phenylalanine: 0,4; Proline: 2,6; Serine: 0,3; Threonine: 0,2; Tryptophan: 0,1; Tyrosine: 0,2; Valine: 0,5 pH: 3,6; Tỷ trọng: 1,24	CT TNHH XNK An Thịnh [NK từ Italia]	CT TNHH Agrimatco Việt Nam (NK từ Italia)
20	64	BACMY 1 (KIKUSA-1)		%	N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 2-3-10; Ca: 0,05; S: 0,08; Lyzin: 3	CT CPĐT TM Bắc Mỹ	CT CP TM&ĐT Bắc Mỹ
				mg/l	Zn: 250; Mn: 400; Cu:75; B: 200		
					pH: 6; Tỷ trọng: 1,15-1,16		
21	65	BACMY 6 (KIKUSA-6)		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-2-6; Ca: 0,4; S: 0,05; Lyzin: 2,8		
				mg/l	Zn: 250; Mn: 250; Cu:150; B: 1000		
					pH: 6; Tỷ trọng: 1,15-1,18		
##	66	Mầm Xanh 1 cho lúa		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-22-32; MgO: 0,03; S: 0,13; Độ ẩm: 12	CT CP Vạn Trường An	CTCP Phân bón Mầm Xanh
					Fe: 300; Mn: 220; Zn: 300; B: 700;		
##	67	Mầm Xanh 2 cho lúa		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 24-24-18; MgO: 1,5; Độ ẩm: 12		
					Fe: 1600; Mn: 800; B: 300; Cu: 800; Zn: 800; Ca: 100		
##	68	Mầm Xanh 3 cho lúa		%	Axit Humic: 12; Axit Fulvic: 3		
					pH: 3,5; Tỷ trọng: 1,01		
##	69	Mầm Xanh 4 cho lúa		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 15-5-40; Độ ẩm: 12		
					Fe: 1500; Mn: 100; Zn: 200; Cu: 100; Mo: 10; B: 1		
##	70	Mầm Xanh 5 cho lúa		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-5-35; MgO: 5; CaO: 3; Độ ẩm: 12		
				ppm	Zn: 30000		

##	71	Mầm Xanh 6 cho lúa		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 20-30-15; Độ ẩm: 12	CT CP Vạn Trường An	CTCP Phân bón Mầm Xanh
					B: 200; Fe: 1000; Mn: 500; Zn: 500; Cu: 500; Mo: 50		
##	72	Mầm Xanh 7 (MX-HUMATE) cho lúa		%	Axit Humic: 15		
					pH: 3,5; Tỷ trọng: 1,01		
##	73	Mầm Xanh 8 cho lúa		%	N-K ₂ O: 17-46; Độ ẩm: 12		
					Na: 3000		
##	74	Mầm Xanh 9 cho lúa		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-44; Độ ẩm: 12		
					B: 200; Fe: 1000; Mn: 500; Zn: 500; Cu: 500; Mo: 50;		
##	75	HTC 04	Được Mùa (Japatonic)	%	Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 5-5-5; Ca: 0,05	CT CP KT & DV TM PT HTC COM	CT CP HATASHI Việt Nam
				mg/l	Mn: 200; Zn: 200; Fe: 200; Cu: 50; B: 300		
					pH: 5,5; Tỷ trọng: 1,15-1,16		
##	76	HTC 06	Hatashi-01 (Hatamix)	%	Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-4-2		
				mg/l	Mn: 400; Zn: 50; Cu: 150; B: 500		
					pH: 5,5-5,7; Tỷ trọng: 1,15-1,19		
##	77	HTC 07	Sao Việt (VN-Starmix)	%	Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-5-1		
				mg/l	Mn: 200; Zn: 250; Fe: 150; Cu: 50; B: 250		
					pH: 5,6-5,7; Tỷ trọng: 1,15-1,19		

M. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 02, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN VI SINH VẬT

TT	Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký		
	Cũ	Mới			Cũ	Mới	
##	78	Bacter 02 (chuyên cây ngắn ngày)	Bacillus megaterium (chuyên cây ngắn ngày)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 0,2-0,3-0,5; Độ ẩm: 30	TT KKN PB vùng Nam Bộ	CT TNHH TM-DV-SX Phú Hào
				Cfu/g	Bacillus megaterium var phosphorin: 1x10 ⁶		

IV. PHÂN HỮU SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
51	79	REAL STRONG 0-15-5	REAL STRONG 10-15-5	%	HC: 30 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-2,8-5 (P ₂ O ₅ ts: 15); Độ ẩm: 8 pH: 7	VPĐD CT All Cosmos Industries SDN tại Tp.HCM	
35	80	TN 01	NS 01	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-1-2; Độ ẩm: 25	CT CP Trang	CT TNHH Nông Sinh
88	81	Chitobat	VT Chitin	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-1-1; CaO: 0,1; MgO: 0,01; Chitin: 0,1; Độ ẩm: 20 pH: 5-7	TT KKN PB vùng Nam Bộ	CT CP VTNN Việt Tiệp

VII. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
18	82	Hữu cơ Dynamix Lifter		%	HC: 39,19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3,5-2,6-2; S: 1; Ca: 7; Mg: 1; Độ ẩm: 20	CT TNHH QT Đức & Việt [NK từ Úc]	
				ppm	Fe: 1600; Mn: 580; Zn: 310; Cu: 40; B: 10; Mo: 3		
##	83	NPK Con Trâu		%	HC: 16; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-2-2; Độ ẩm: 24	CT CP Đầu tư & PT Nông nghiệp Trung Ương	
				ppm	Zn: 300; B: 100; Cu: 200; Mg: 300		

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Bùi Bá Bồng